TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2019.
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai.

Ông Tô Hoàng Vũ.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 03 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1991; trú tại: Số nhà 86/5, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lương Anh T, sinh năm 1986; trú tại: Số nhà 224/1, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày :*

Chị và anh Lương Anh T kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lai Vung. Trong thời gian chung sống thì Anh T đi làm suốt ngày nhưng không mang tiền về lo cho vợ con mà còn gây nợ bên ngoài. Chị đã trả nợ cho Anh T nhiều lần. Hơn nữa Anh T đi làm không về nhà điện thoại thì thường xuyên tắt máy không liên lạc được. Ngoài ra Anh T còn có quen người con gái khác bên ngoài, chị nói thì Anh T tuyên bố thẳng trước mặt chị là Anh T không hề yêu chị. Mẹ chồng thì luôn bênh vực Anh T, cho rằng Anh T đi ra ngoài quen hai ba người con gái là bình thường. Mẹ chồng còn nói nuôi con không được thì đem cho người ta. Vì thế, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2018 đến nay. Hiện tại không còn tình cảm với Anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011, hiện đang sống với chị N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị N yêu cầu xin ly hôn với anh Lương Anh T, yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011 và yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn anh Lương Anh T có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:*

Anh T thống nhất về thời gian đăng ký kết hôn như chị N trình bày. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung bên gia đình Anh T. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẩn gì nhưng khoảng tháng 8/2018 Anh T và chị N về nhà cha mẹ của chị N để làm rẫy thì chị N không chịu về bên gia đình Anh T và ở bên gia đình cha mẹ vợ luôn. Anh T có đến nhà cha mẹ vợ năn nĩ vợ anh về chung sống, nhưng chị N nói là do anh đi mua bán cây kiểng không thường xuyên ở nhà nên chị N kêu anh đổi nghề và ở nhà làm thì chị N mới về chung sống. Tình cảm hiện còn thương chị N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011, hiện đang sống với chị N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay Anh T không đồng ý ly hôn với chị N. Trường hợp ly hôn chị N không nuôi con thì giao cho anh nuôi chứ Anh T không đồng ý cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

-Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với anh Lương Anh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thu N được quyền nuôi con chung Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011 (hiện đang sống với chị N). Anh Lương Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011 cùng chị N mỗi cháu mỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

Chị Nguyễn Thị Thu N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lương Anh T trong việc trông nôm, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, Anh T xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

* Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị N yêu cầu xin ly hôn với anh Lương Anh T, yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011 và yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Lương Anh T chung sống với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lai Vung theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của chị N và Anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Chị N trình bày từ năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là trong thời gian chung sống thì Anh T đi làm suốt ngày nhưng không mang tiền về lo cho vợ con mà còn gây nợ bên ngoài. Chị đã trả nợ cho Anh T nhiều lần. Hơn nữa trong lúc đi làm không về nhà điện thoại thì thường xuyên tắt máy không liên lạc được. Ngoài ra Anh T còn có quen người con gái khác bên ngoài, chị nói thì Anh T tuyên bố thẳng trước mặt chị là Anh T không hề yêu chị. Mẹ chồng thì luôn bênh vực Anh T, cho rằng Anh T đi ra ngoài quen hai, ba người con gái là bình thường. Mẹ chồng còn nói nuôi con không được thì đem cho người ta. Từ tháng 8/2018 đến nay chị và Anh T đã sống ly thân với nhau. Vì vậy, giữa chị và Anh T không còn tình cảm với nhau. Còn Anh T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẩn gì nhưng khoảng tháng 8/2018 Anh T và chị N về nhà cha mẹ của chị N để làm rẫy thì chị N không chịu về bên gia đình Anh T và ở bên gia đình cha mẹ vợ luôn. Anh T có đến nhà cha mẹ vợ năn nĩ vợ anh về chung sống, nhưng chị N nói là do anh đi mua bán cây kiểng không thường xuyên ở nhà nên chị N kêu anh đổi nghề và ở nhà làm thì chị N mới về chung sống. Tình cảm hiện còn thương chị N nên không đồng ý ly hôn.

Tuy nhiên, trong thời gian chị N và Anh T ly thân thì Anh T và chị N không tự hòa giải được. Anh T trình bày còn tình cảm với chị N nhưng không có biện pháp gì để khắc phục những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẩn nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị N. Đối với chị N Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên chị hàn gắn về chung sống với Anh T nhưng chị N xác định không còn tình cảm với Anh T và cương quyết xin ly hôn. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẩn giữa chị N và Anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu N là có căn cứ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011 và yêu cầu

Anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh T xác định trường hợp ly hôn chị N không nuôi con chung thì giao cho anh nuôi chứ anh không đồng ý cấp dưỡng. Xét thấy từ khi chị N, Anh T ly thân cháu Thy và Khang sống chung với chị N, cuộc sống đã ổn định. Đồng thời, cháu Thy và Khang có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Thế nên giao con chung tên Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Lương Anh T xác định trường hợp ly hôn chị N không nuôi con chung thì giao cho anh nuôi chứ anh không đồng ý cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011. Vì vậy, Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và Anh T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và anh Lương Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu N

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với anh Lương Anh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thu N được quyền nuôi con chung Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011 (hiện

đang sống với chị N). Anh Lương Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lương Bảo T, sinh ngày 16/8/2009; Lương An K, sinh ngày 24/4/2011 cùng chị N mỗi con mỗi tháng ½ tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu Lương Bảo T và Lương An K đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Thu N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lương Anh T trong việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thu N phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008546, ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung (đã nộp xong).

Anh Lương Anh T phải nộp 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng .

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hoàng